Bản án số: 274/2024/HS-ST
Ngày: 26-9-2024

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Ông Nguyễn Thanh Giàu

- Thư ký phiên toà: Ông Thái Vương Triều - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 307/2024/HSST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 2001 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: Tổ B, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Kim D; bị cáo có 01 con sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 12/4/2024; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Thị T2, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ F, khu phố I, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 11/2023 thông qua mạng xã hội Facebook Nguyễn Hữu T và Trần Thị T2, sinh năm 1997 quen biết với nhau. Trong thời gian quen biết, cả hai nảy sinh tình cảm yêu nhau, thời gian này thì Tiến thường đến nơi ở của T2

tại phòng trọ số 9, địa chỉ 62/15, khu phố B, phường B, thành phố T, Bình Dương để chơi và quan hệ tình dục với nhau. Vào ngày 27/01/2024, trong lúc quan hệ tình dục với T2 thì T sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo Reno 8, màu vàng của T để quay video hình ảnh về việc quan hệ tình dục giữa T và T2 sau đó lưu giữ trong điện thoại di động. Đến khoảng cuối tháng 01/2024, T2 đã đề nghị chia tay và muốn chấm dứt mối quan hệ tình cảm với T. T đã gửi hình ảnh và đoạn video 02 người quan hệ tình dục cho T2 để nhằm níu kéo tình cảm nhưng T2 không đồng ý. Do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên T tiếp tục nhắn tin đe dọa và yêu cầu T2 đưa số tiền 50.000.000 đồng cho T thì T sẽ xóa các hình ảnh và đoạn video, nếu không sẽ gửi đến gia đình, bạn bè của Tâm B. Do lo sợ, nên T2 đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng số tài khoản ngân hàng số: 060243426068, tên NGUYEN HUU TIEN, được mở tại Ngân hàng S của T. T đã nhiều lần nhắn tin đe dọa và yêu cầu nhưng không thấy T2 chuyển số tiền còn lại nên T đã gửi hình ảnh của T2 đang quan hệ tình dục cho bà Trần Thị N là chị ruột của T2 biết. Sau khi biết việc T đã gửi hình ảnh nhạy cảm cho bà N, T2 hẹn T đến phòng trọ của T2 để nhận trước số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại T2 sẽ đưa sau và yêu cầu T xóa các hình ảnh, video nhạy cảm của T2 thì T đồng ý. Đồng thời, T2 cũng đến Công an phường B trình báo sự việc. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11/4/2024, T đến phòng trọ của T2. Tại đây, do chưa có tiền nên T2 đã đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng, T đồng ý nhận trước số tiền 2.000.000 đồng thì bị lực lượng công an bắt quả tang và đưa về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 2.000.000 đồng; 01 (một) điện di động nhãn hiệu OPPO Reno 8, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei X9 màu đen.

Tại bản Cáo trạng số 276/CT-VKS -TA ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hữu T.

Về mức hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 2.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà Trần Thị T2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại số tiền trên cho bà T2. Ngoài ra, gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền

1.000.000 đồng bị cáo T đã chiếm đoạt trước đó. Bị hại T2 đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Huawei X9 màu đen là tài sản của bà Trần Thị T2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho bà T2 là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8, màu vàng là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của bị hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và trong nội dung đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 11/4/2024, tại địa chỉ 62/15, khu phố B, phường B, thành phố T, Bình Dương, Nguyễn Hữu T đã có hành vi sử dụng video, hình ảnh nhạy cảm của bà Trần Thị T2 để đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của bà Trần Thị T2. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì tham lam, tư lợi, bị cáo dùng hình ảnh nhạy cảm của bị hại để uy hiếp tinh thần củ bị hại làm cho bị hại lo sợ nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, lỗi của bị cáo là cố ý trực tiếp, do đó cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi của bị cáo, nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tại hồ sơ thể hiện không yêu cầu gì thêm.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Huawei X9 màu đen là tài sản của bà Trần Thị T2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho bà T2 là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8, màu vàng là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d Khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hữu T.

- Các Điều 106, 136, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8, màu trắng, số IMEI 1: 866124060379436, số IMEI 2: 866124060379428, gắn sim số 0387772631 và sim số 0565611094 (đã được niêm phong có chữ ký của ông Cao Xuân T3 thuộc cơ quan điều tra Công an thành phố T, chữ ký ông Trần Minh T4 thuộc phòng K Công an tỉn B1 và dấu tròn của Phòng K Công an tỉnh B1, không kiểm tra được tình trạng bên trong máy điện thoại).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạ 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu:HS,THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo